

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Thanh Huyền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Long	Thành viên
Ông Cao Đăng Phúc	Thành viên
Ông Trịnh Đức Long	Thành viên
Ông Võ Văn Phúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc điều hành:

Ông Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tùng Vượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Diễm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Đăng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Thành Long

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2012

Số: /2012/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập được lập ngày 16/03/2011 từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 03, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến nêu trên mà chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất điểm sau:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3.9 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu của một số hạng mục công trình chưa được ghi nhận đầy đủ do Công ty chưa tập hợp đầy đủ các chi phí có liên quan để đảm bảo nguyên tắc phù hợp.

Nguyễn Tự Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1226/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2012

Phạm Gia Đạt
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.018.637.846.853	539.196.519.215
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	40.338.916.675	13.344.802.083
1. Tiền	111		32.718.924.481	13.344.802.083
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.619.992.194	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		200.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		204.729.674.197	147.828.116.939
1. Phải thu khách hàng	131		156.198.596.024	119.414.327.675
2. Trả trước cho người bán	132		52.544.836.495	36.619.349.884
5. Các khoản phải thu khác	135	5	13.604.670.831	6.136.446.892
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(17.618.429.153)	(14.342.007.512)
IV. Hàng tồn kho	140		725.409.625.310	360.349.707.157
1. Hàng tồn kho	141	6	725.409.625.310	360.349.707.157
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.959.630.671	17.673.893.036
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	3.573.318.824	2.236.293.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.208.982.274	10.551.863.233
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	8	3.892.332.715	3.480.740.637
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	3.284.996.858	1.404.995.666
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		288.824.322.933	246.153.167.524
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	5.900.000
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	5.900.000
II. Tài sản cố định	220		217.387.430.641	184.058.717.093
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	187.513.829.031	161.090.469.493
- Nguyên giá	222		381.162.997.528	326.480.323.901
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(193.649.168.497)	(165.389.854.408)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.093.445.400	1.095.047.250
- Nguyên giá	228		1.114.190.800	1.100.550.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.745.400)	(5.502.750)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	28.780.156.210	21.873.200.350
III. Bất động sản đầu tư	240	13	4.956.948.747	5.106.580.747
- Nguyên giá	241		5.686.065.091	5.686.065.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(729.116.344)	(579.484.344)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	54.942.006.550	47.010.942.950
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		54.842.006.550	46.910.942.950
3. Đầu tư dài hạn khác	258		100.000.000	100.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.537.936.995	9.971.026.734
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	11.506.436.995	9.971.026.734
3. Tài sản dài hạn khác	268		31.500.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.307.462.169.786	785.349.686.739

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP)

Tại ngày 31/12/2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.018.466.814.223	536.264.463.797
I. Nợ ngắn hạn	310		957.216.213.227	512.841.083.149
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	131.885.962.216	88.588.817.192
2. Phải trả người bán	312		80.363.371.884	104.888.037.856
3. Người mua trả tiền trước	313		280.347.559.545	211.747.436.592
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	29.205.440.730	25.573.701.986
5. Phải trả người lao động	315		14.619.178.264	14.508.483.337
6. Chi phí phải trả	316	18	16.833.697.331	8.593.444.068
7. Phải trả nội bộ	317	19	355.758.307.955	11.924.264.365
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	21.707.175.223	10.738.044.851
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	21	22.738.796.608	27.235.355.497
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.756.723.471	9.043.497.405
II. Nợ dài hạn	330		61.250.600.996	23.423.380.648
3. Phải trả dài hạn khác	333		2.094.200.000	2.019.700.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	22	53.198.703.759	17.980.339.716
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.251.853.431	3.423.340.932
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.705.843.806	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		288.995.355.563	249.085.222.942
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	288.995.355.563	249.085.222.942
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		140.524.580.000	123.753.080.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.815.916.079	39.815.916.079
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.296.421.018	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.425.948	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		56.801.363.016	39.459.600.422
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.616.449.415	14.616.449.415
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.643.692.087	31.440.177.026
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		295.508.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.307.462.169.787	785.349.686.739

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		38.978.822	38.978.822
5. Ngoại tệ các loại	005			
- Ngoại tệ Euro			56.004,10	-
- Ngoại tệ USD			513,90	-

Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2012

Trương Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01	24	643.659.948.089	608.039.558.470
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	48.600.000	48.969.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		643.611.348.089	607.990.589.470
4. Giá vốn hàng bán	11	26	511.015.681.710	524.658.434.194
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		132.595.666.379	83.332.155.276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	928.986.759	1.608.104.036
7. Chi phí tài chính	22	28	30.110.628.648	13.010.985.246
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	27.125.654.420	11.681.140.421
8. Chi phí bán hàng	24		1.256.081.812	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	53.450.044.152	38.048.229.890
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.707.898.526	33.881.044.176
11. Thu nhập khác	31	30	4.449.800.654	23.114.225.477
12. Chi phí khác	32	31	1.689.508.935	949.675.194
13. Lợi nhuận khác	40		2.760.291.719	22.164.550.283
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		51.468.190.245	56.045.594.459
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		13.449.539.245	14.125.358.425
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		38.018.651.000	41.920.236.034
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.908	3.876

Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2012

Trương Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	51.468.190.245	56.045.594.459
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	29.705.146.522	25.492.552.892
- Các khoản dự phòng	03	3.728.434.127	9.246.907.696
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	55.725.401	1.656.104.652
- Chi phí lãi vay	06	27.125.654.420	11.681.140.421
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	112.083.150.715	104.122.300.120
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(93.572.803.695)	(48.214.419.230)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(365.059.918.153)	(95.982.471.219)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	373.287.270.539	36.177.155.216
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(2.872.435.585)	1.677.685.136
- Tiền lãi vay đã trả	13	(27.125.654.420)	(11.681.140.421)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.064.931.877)	(3.764.958.381)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	34.422.760.703	188.318.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(16.614.651.410)	(16.175.951.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.482.786.817	(33.653.482.506)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(32.338.370.167)	(16.881.793.857)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.249.927.273	8.700.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.500.000.000)	(6.675.145.200)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	928.986.759	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(37.659.456.135)	(23.543.239.057)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	319.145.337.886	175.818.201.500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(258.021.622.170)	(150.070.368.952)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.572.924.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	47.550.791.716	25.747.832.548
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	19.374.122.398	(31.448.889.015)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.344.802.083	44.265.169.313
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	32.718.924.481	13.344.802.083

Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2012

Trương Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng